

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-PT

Ngày 16-9-2019

V/v ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH N**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2019/TLPT- ngày 01 tháng 8 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 77/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: thị trấn Q, huyện N, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: xã N, huyện N, tỉnh N.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Anh Trần Văn Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị L, anh Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là Chị Hoàng Thị L trình bày: Chị kết hôn với Anh Trần Văn Đ vào tháng 09-2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh N. Quá trình chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và do kinh tế khó khăn làm ăn thua lỗ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Đ thường xuyên chửi bới xúc phạm chị cũng như gia đình chị. Mặc dù, được gia đình hai bên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng ly thân từ tháng 8-2018. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 07-6-2016. Sau khi, vợ chồng ly thân cháu T do chị nuôi dưỡng, đến khi chị có đơn xin ly hôn, anh Đ xuống bắt cháu T mang về, vợ chồng ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là Anh Trần Văn Đ trình bày: Anh và Chị L kết hôn với nhau vào tháng 9-2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh N. Quá trình chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống do hiểu lầm nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 8-2018. Nay Chị L có đơn xin ly hôn, anh không nhất trí vì gia đình anh là gia đình công giáo, nếu Chị L nhất quyết xin ly hôn thì tùy, anh không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh và Chị L có 01 con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 07-6-2016 hiện anh đang nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi cháu T và anh không yêu cầu Chị L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình số 77/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng năm 5 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh N đã quyết định. Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử lý hôn giữa Chị Hoàng Thị L và Anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Phương T, sinh ngày 07-6-2016 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03-6-2019 và ngày 15-6-2019 Anh Trần Văn Đ kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh N giải quyết cho anh được nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Phương T và không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh Đ vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày hiện nay anh đang nuôi dưỡng cháu T và thuê nhà để ở, anh làm nghề cơ khí thu nhập hàng tháng là 10.000.000đ nên anh có đủ điều kiện để nuôi cháu T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh.

Chị L giữ nguyên đơn khởi kiện và trình bày: Chị làm nghề bán nước ép hoa quả tại thành phố Hồ Chí Minh thu nhập hàng tháng là 10.000.000đ, chị ở cùng nhà với chú ruột. Khi vợ chồng ly thân chị vẫn nuôi cháu T nhưng đến khi chị nộp đơn xin ly hôn thì anh Đ thăm con và đưa cháu T về ở cùng, hiện nay cháu T còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Đ và giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của Anh Trần Văn Đ thấy:

[1] Anh Trần Văn Đ và Chị Hoàng Thị L trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào tháng 9-2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh N nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị có một con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 07-6-2016. Tại phiên tòa anh Đ và Chị L đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Đ và Chị L đều có đủ điều kiện

để nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Phương T, nhưng tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm cháu T còn rất nhỏ mới được 39 tháng 09 ngày tuổi nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, do vậy cấp phúc thẩm tiếp tục giáo cháu T cho Chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và bảo đảm quyền lợi của người phụ nữ sau khi ly hôn.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên án sơ thẩm nên anh Đ phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Trần Văn Đ và giữ nguyên án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa Chị Hoàng Thị L và Anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Thị Phương T, sinh ngày 07-6-2016 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Buộc anh Đ phải có trách nhiệm giao cháu Trần Thị Phương T cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đ phải nộp là 300.000đ nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000718 ngày 27-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000đ, nhưng được đối trừ với số tiền Chị L đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số BB/2012/06405 ngày 12-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh N;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Thu

